

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013



Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười một lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 24 tháng 10 năm 2012. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên (Đến ngày 28/02/2013)
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (Từ ngày 01/03/2013)
	Ông Thái Văn Chuyên	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Hiệp	Giám đốc Nông nghiệp (từ ngày 15 tháng 1 năm 2013)
	Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương Mại
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Giám đốc Tài chính Đầu tư
	Ông Nguyễn Thành Khiêm	Giám đốc Nhà máy
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 3 đến trang 37 được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

TUQ Hội đồng Quản trị



Thái Văn Chuyên
Thành viên HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.989.041.775.905	1.421.289.426.760
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.662.666.763	110.669.897.291
Tiền	111		35.662.666.763	110.669.897.291
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	221.808.641.760	202.458.604.234
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		317.333.585.369	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(95.524.943.609)	(95.524.943.609)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	872.225.332.081	729.502.883.593
Phải thu khách hàng	131		114.924.574.654	264.032.376.939
Trả trước cho người bán	132		726.731.940.400	418.517.643.528
Các khoản phải thu khác	135		55.942.845.318	69.995.237.367
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(25.374.028.291)	(23.042.374.241)
Hàng tồn kho	140	7	800.501.196.878	339.388.288.019
Hàng tồn kho	141		800.743.753.765	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		58.843.938.423	39.269.753.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.783.186.602	34.332.668.947
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			2.357.450.779
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.060.751.821	2.579.633.897
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.215.095.960.480	1.213.104.199.105
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	-	54.686.136.164
Phải thu dài hạn khác	218		-	54.686.136.164
Tài sản cố định	220		632.249.304.684	645.580.386.104
Tài sản cố định hữu hình	221	8	556.574.687.965	540.043.448.468
Nguyên giá	222		1.664.268.918.710	1.613.205.566.904
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.107.694.230.745)	(1.073.162.118.436)
Tài sản cố định vô hình	227	9	42.047.182.800	42.665.949.536
Nguyên giá	228		51.065.241.971	51.212.046.019
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.018.059.171)	(8.546.096.483)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	33.627.433.919	62.870.988.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	564.860.631.058	499.582.134.384
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		496.720.784.523	435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác	258		97.925.063.904	94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(29.785.217.369)	(31.060.596.643)
Tài sản dài hạn khác	260		17.986.024.738	13.255.542.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.797.388.459	7.843.741.131
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.050.587.979	5.273.753.022
Tài sản dài hạn khác	268	•	138.048.300	138.048.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.204.137.736.385	2.634.393.625.865
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.549.462.459.662	938.635.369.571
Nợ ngắn hạn	310		1.532.511.409.662	889.469.256.095
Vay ngắn hạn	311	14	1.409.382.846.218	714.178.138.970
Phải trả người bán	312		16.131.445.236	41.460.174.576
Người mua trả tiền trước	313	15	33.486.796.605	29.752.623.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	11.515.766.848	4.980.685.467
Phải trả người lao động	315		4.068.055.585	9.431.820.585
Chi phí phải trả	316	17	32.282.795.353	60.051.144.927
Các khoản phải trả khác	319	18	5.127.179.615	19.174.814.536
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	20.516.524.202	10.439.854.010
Vay và nợ dài hạn	330		16.951.050.000	49.166.113.476
Vay dài hạn	334	20	16.951.050.000	49.166.113.476
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	21	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

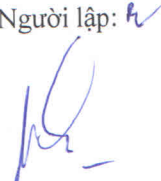
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.654.675.276.723	1.695.758.256.294
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.654.675.276.723	1.695.758.256.294
Vốn cổ phần	411	23	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	13.818.011.060	7.594.294.697
Cổ phiếu quỹ	414	23	(104.508.192.093)	(129.471.347.730)
Quỹ đầu tư phát triển	417		97.098.444.233	60.085.099.152
Quỹ dự phòng tài chính	418		87.560.743.223	69.054.070.682
Lợi nhuận chưa phân phối	420		141.448.270.300	269.238.139.493
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.204.137.736.385	2.634.393.625.865
(440 = 300 + 400)				

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2013	31/12/2012
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba, hoặc nhận gia công (KG)	861.481,4	6.679.726
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.868.349.860	4.868.349.860
Ngoại tệ (USD)	7.769,74	6.601
Ngoại tệ (EUR)	-	500

Người lập: 

Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Kế toán trưởng



Người duyệt: 

Nguyễn Bá Chủ
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2013

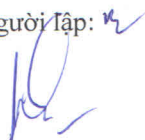
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

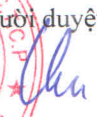
Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND
Tổng doanh thu	01	26	925.321.488.892	1.178.032.780.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	(772.091.938)	(1.313.540.095)
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	924.549.396.954	1.176.719.240.351
Giá vốn hàng bán	11	27	(800.171.611.342)	(926.559.647.930)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		124.377.785.612	250.159.592.421
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	79.475.643.463	170.001.937.925
Chi phí tài chính	22	29	(50.975.904.742)	(146.521.813.019)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(49.026.834.541)	(48.599.962.560)
Chi phí bán hàng	24		(18.315.110.614)	(20.600.201.171)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(31.973.058.313)	(24.449.536.809)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		102.589.355.406	228.589.979.347
Thu nhập khác	31		4.694.193.818	1.095.064.129
Chi phí khác	32		(3.265.138.622)	(3.460.191)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.429.055.196	1.091.603.938
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		104.018.410.602	229.681.583.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	(15.393.621.366)	(15.125.256.282)
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	2.776.834.957	(4.193.219.371)
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		91.401.624.193	210.363.107.632
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	691	1.641

Người lập: 

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt: 

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		104.018.410.602	229.681.583.285
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		41.470.708.254	40.587.106.070
Các khoản dự phòng	03		(1.275.379.274)	97.256.009.447
Lãi thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	-
Lãi/lỗ từ bán đầu tư chứng khoán	05		-	(110.554.905.691)
Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan	05		(28.852.158.807)	(48.978.608.153)
Thu nhập cổ tức từ đầu tư chứng khoán dài hạn	05		(10.222.722.000)	(10.222.722.000)
Chi phí lãi vay	06		49.026.834.541	48.599.962.560
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		154.165.693.316	246.368.425.518
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(113.987.768.276)	(91.756.331.820)
Biến động hàng tồn kho	10		(461.112.908.859)	(26.887.116.832)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(59.277.060.586)	41.784.245.746
			(480.212.044.405)	169.509.222.612
Tiền lãi vay đã trả	13		(47.645.010.803)	(52.010.185.298)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(19.795.877.960)	(14.605.592.063)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(19.534.005.872)	(21.828.088.927)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(567.186.939.040)	81.065.356.324

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã	Thuyết	Giai đoạn sáu	Giai đoạn sáu
	số	minh	tháng từ 1/1/2013	tháng từ 1/1/2012
			đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.617.875.260)	(28.602.566.404)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	-
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan khác	23		(100.000.000.000)	(314.727.186.400)
Tiền thu các khoản vay cho các bên liên quan khác	24		100.000.000.000	104.057.071.000
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	24		-	271.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(67.265.987.400)	(61.224.060.000)
Thu tiền đặt cọc từ bán các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh 17)	26		-	112.700.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		10.222.722.000	21.225.145.709
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(88.661.140.660)	104.928.403.905

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu quỹ	31		51.486.872.000	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(33.231.840.138)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.979.746.480.112	1.093.941.678.414
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.316.756.836.340)	(949.060.622.594)
Tiền trả cổ tức	35		(133.635.666.600)	(255.699.608.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		580.840.849.172	(144.050.392.518)

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(75.007.230.528)	41.943.367.711
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		110.669.897.291	88.725.909.901
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	35.662.666.763	130.669.277.612

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2013

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty có 517 nhân viên (31/12/2012: 810 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này.

Phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn ngoại trừ kết quả hoạt động kinh doanh sau ngày được mua lại được xem xét như khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác

Đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Số dư của các khoản dự phòng tăng hay giảm được ghi nhận như chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	1 – 30 năm

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí đổi mới và cải tạo được thể hiện theo nguyên giá ban đầu và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được dựa theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp doanh thu đã xuất hóa đơn trong đó doanh thu chỉ bao gồm phần tiền đã xuất hóa đơn cho khách hàng được tính dựa trên tổng khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.341.956.986	400.448.204
Tiền gửi ngân hàng	34.320.709.777	110.269.449.087
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	35.662.666.763	110.669.897.291

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong trả trước cho người bán 726.731.940.400 VND và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND (được phân loại lại)
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	393.945.907.114	301.317.238.306
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	136.610.110.858	54.686.136.164
	530.556.017.972	356.003.374.470

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 13,5% năm (2012: 8% đến 13,5%). Khoản ứng trước này được thu hồi trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“BAC”), một công ty liên kết	-	3.848.954.161
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	52.540.916.495	43.377.407.139
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	20.300.000.000
Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	-	848.473.700
Phải thu khác	3.401.928.823	1.620.402.367
	55.942.845.318	69.995.237.367

7. Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên vật liệu	36.756.123.199	62.041.234.378
Công cụ và dụng cụ	78.476.236	64.102.810
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.617.342.975	43.771.079.175
Thành phẩm	753.473.815.028	207.870.694.011
Hàng hóa	3.817.996.327	9.996.507.532
Hàng gửi đi bán	-	15.887.227.000
	800.743.753.765	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	800.501.196.878	339.388.288.019

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149	1.613.205.566.904
Tăng trong năm		5.914.461.757	1.063.695.454	345.000.000		7.323.157.211
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang		51.584.624.902				51.584.624.902
Thanh lý	(419.962.501)	(2.750.752.671)	(210.674.000)	(4.024.575.516)	(438.465.619)	(7.844.430.307)
Số dư cuối kỳ	278.913.870.254	1.297.294.290.386	25.039.504.916	4.615.922.624	58.405.330.530	1.664.268.918.710
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032	1.073.162.118.436
Khấu hao trong năm	5.017.692.902	32.715.667.369	1.475.304.783	221.425.109	1.421.851.355	40.851.941.518
Thanh lý	(357.409.908)	(1.629.119.641)	(181.844.664)	(3.729.288.271)	(422.166.725)	(6.319.829.209)
Số dư cuối kỳ	140.982.435.224	892.691.752.270	12.767.082.095	3.883.873.494	57.369.087.662	1.107.694.230.745
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117	540.043.448.468
Số dư cuối kỳ	137.931.435.030	404.602.538.116	12.272.422.821	732.049.130	1.036.242.868	556.574.687.965

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 159.125 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 163.328 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
Thanh lý	-	(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.581.487.150	51.065.241.969
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.602.982.425	2.943.114.058	8.546.096.483
Khấu hao trong năm	519.585.184	99.181.552	618.766.736
Thanh lý		(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	6.122.567.609	2.895.491.562	9.018.059.171
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	41.880.772.394	785.177.142	42.665.949.536
Số dư cuối kỳ	41.361.187.210	685.995.590	42.047.182.800

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 4.008 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 4.155 triệu VND).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND
Số dư đầu năm	62.870.988.100	36.829.486.105
Tăng trong năm	22.341.070.721	23.527.773.331
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.584.624.902)	(41.946.309.615)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(749.962.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-
Số dư cuối kỳ	33.627.433.919	17.660.987.821

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

11. Các khoản đầu tư

	30/06/2013			VND	31/12/2012			VND
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết		Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	(được phân loại lại)
(a) Đầu tư dài hạn								
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
▪ Công ty Cổ Phần Đường Nước Trong (vi)	1.389.302	23.95%	23.95%	53.765.987.400	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ Phần Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công (v)				7.200.000.000				
				496.720.784.523				435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác:								
▪ Đầu tư vào công ty khác (vi)				93.772.155.000				93.772.155.000
▪ Đầu tư dài hạn khác				4.152.908.904				1.115.778.904
				97.925.063.904				94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(29.785.217.369)				(31.060.596.643)
				564.860.631.058				499.582.134.384

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (vii)	317.333.585.369	297.983.547.843
	317.333.585.369	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(95.524.943.609)	(95.524.943.609)
Số dư cuối kỳ	221.808.641.760	202.458.604.234

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất, mua bán cồn; kinh doanh bất động sản; dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.
- (iii) Đường La Ngà được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu, chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp, chế biến thức ăn gia súc, trồng trọt và chăn nuôi gia súc, xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, sản xuất và cung cấp giống cây, sản xuất nước sạch, điện, sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ, sửa chữa, sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí, mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (iv) Trong kỳ, Công ty mua 1.389.302 cổ phiếu (23,95%) của Công ty Cổ phần Mía Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”). Công ty cổ phần Đường Nước Trong được thành lập theo quyết định số 299/QĐ-CT ngày 07 tháng 04 năm 2005 của UBND Tỉnh Tây Ninh trên cơ sở đã chuyển đổi từ bộ phận Nhà máy Đường Nước Trong thuộc Công ty mía Đường Tây Ninh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại cây trồng: mía, mì, cao su và các loại cây lâm sản, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến cồn, đồ uống, gia công chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp thực phẩm, kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (v) Trong kỳ, công ty tham gia góp vốn vào Công ty Cổ Phần Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công (“CTCP NCUDMD TTC”) với tỷ lệ vốn góp chiếm 30% vốn chủ sở hữu. CTCPNCUDMD TTC là Công ty mới được thành lập với ngành nghề chính là nghiên cứu, lai tạo giống mía, phân tích đất, kỹ thuật canh tác, đồng thời nghiên cứu thuốc bảo vệ thực vật, chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

(vi) Đầu tư vào công ty khác bao gồm:

	30/06/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	2.500.000	48.823.125.000	2.500.000	48.823.125.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	2.996.602	44.949.030.000	2.996.602	44.949.030.000
Số dư cuối kỳ	5.496.602	93.772.155.000	5.496.602	93.772.155.000

- (vii) Các khoản vay này thể hiện khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết, không được bảo đảm và chịu lãi suất dao động từ 12% - 15,5% một năm (2012: 15% - 18,5% năm). Trong kỳ, lãi lũy kế tương đương 19.350.037.526 VND (2012: 93.483.547.843 VND) được chuyển sang khoản vay gốc.

Biến động đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	297.983.547.843	90.358.494.207	530.642.731.027	612.639.760.156
Tăng trong kỳ	19.350.037.526	295.983.547.843	64.007.087.400	154.996.215.000
Chuyển đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn	-	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)
Thanh lý	-	-	-	(136.945.094.309)
Giảm trong kỳ	-	(188.358.494.207)	(3.970.000)	(48.149.820)
	317.333.585.369	297.983.547.843	594.645.848.427	530.642.731.027

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	95.524.943.609	-	31.060.596.643	36.339.400.956
Tăng trong kỳ	-	95.524.943.609	-	1.672.004.162
Giảm trong kỳ	-	-	(1.275.379.274)	(6.950.808.475)
Số dư cuối kỳ	95.524.943.609	95.524.943.609	29.785.217.369	31.060.596.643

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tăng trong kỳ	1.953.647.328	3.808.919.168
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.843.741.131	11.878.563.094
Phân bổ trong kỳ	-	(7.843.741.131)
Số dư cuối kỳ	9.797.388.459	7.843.741.131

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.405.944.504.218	691.332.892.670
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	3.438.342.000	22.845.246.300
Tổng cộng	1.409.382.846.218	714.178.138.970

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn:				
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	6,8%- 8,5%	323.600.000.000	197.840.478.236
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	USD	4%		92.588.350.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	8,3% - 9,8%	249.023.837.056	196.832.871.434
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	7,9% - 9%	114.866.899.459	115.250.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	USD	3,92%	74.017.440.000	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	VND	9% - 11%	130.663.961.500	88.821.193.000
• Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam (v)	VND	8,7% - 9,5%	150.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	VND	9% - 9,5%	100.000.000.000	-
• Ngân hàng Shinhan (vii)	VND	6% - 8,91%	60.000.000.000	-
• Ngân hàng Chinatrust (viii)	VND	8% - 8,5%	62.400.000.000	-
• Ngân hàng Hong Leong VN (ix)	VND	8,25% - 9%	58.672.366.203	-
• Ngân hàng Quân Đội (x)	VND	7,5%	59.200.000.000	
• Tiền gửi Cán Bộ CNV(xi)	VND	12%	23.500.000.000	
			1.405.944.504.218	691.332.892.670

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (31/12/2012: 14 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh và các khoản phải thu trên sổ sách.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (31/12/2012: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh., cổ phiếu NHS và BHS.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu USD (31/12/2012: 10 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho trên sổ sách.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2012: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND. Đây là khoản vay tín chấp và được đảm bảo bằng 10.000 tấn đường.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Đây là khoản vay tín chấp.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND. Đây là khoản vay tín chấp.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD, được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho trên sổ sách.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND, được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho trên sổ sách.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND, được đảm bảo bằng 9.600 tấn đường.
- (xi) Nhằm mục đích phát huy sức mạnh nguồn lực từ nội bộ Công ty, cũng như gia tăng nguồn thu nhập khác cho CBNV và người thân của CBNV, thông qua hình thức gửi tiền tiết kiệm cho Công ty với lãi suất ưu đãi 12%/năm. Hội đồng quản trị ký duyệt đồng ý trên tờ trình số 014/2013/TT-KTC-ĐT ngày 27/03/2013.

15. Người mua trả tiền trước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	29.374.700.000	29.374.700.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công để mua mật đường - cổ đông	2.615.041.996	-
Người mua trả tiền trước	1.497.054.609	377.923.024
	33.486.796.605	29.752.623.024

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (*) Đây là khoản tạm ứng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất vào năm 2013.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.349.577.969)	-
Thuế giá trị gia tăng	17.615.683.265	4.980.685.467
Thuế thu nhập cá nhân	249.661.552	-
	11.515.766.848	4.980.685.467

17. Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí mua mía phải trả	25.611.203.833	52.035.661.600
Phí vận chuyển và bốc dỡ	1.569.257.768	3.228.683.000
Chi phí lãi vay	3.812.813.170	2.430.989.432
Phép năm chưa được chi trả	1.217.374.970	1.197.102.280
Chi phí khác	72.145.612	1.158.708.615
	32.282.795.353	60.051.144.927

18. Phải trả khác

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thu hoạch, đặt cọc vận chuyển và phải trả cho nông dân trồng mía tại Tây Ninh	1.571.663.656	16.528.681.190
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cố tức phải trả	572.571.510	757.828.110
Khác	1.782.944.449	688.305.236
	5.127.179.615	19.174.814.536

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu năm	10.439.854.010	1.459.224.234
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	29.610.676.064	38.314.816.410
Sử dụng quỹ	(19.534.005.872)	(29.334.186.634)
Số dư cuối kỳ	20.516.524.202	10.439.854.010

20. Vay dài hạn

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	20.389.392.000	72.011.359.776
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(3.438.342.000)	(22.845.246.300)
	16.951.050.000	49.166.113.476

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo					
• Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	16.704.392.000	17.897.563.000
Vay dài hạn được đảm bảo					
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	VND	14%	2015	-	49.902.796.776
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (iii)	VND	11,4%	2016	3.685.000.000	4.211.000.000
				20.389.392.000	72.011.359.776

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (31/12/2012: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 được hoàn trả trong 12 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ 1.193 triệu VND và kỳ cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (31/12/2012: 5.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 được hoàn trả trong 13 quý, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được bảo đảm bằng 12 máy bốc mía và được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Tây Ninh bảo lãnh bằng chứng thư, với giá trị ghi sổ là 2.500 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	370.133.450.809	370.133.450.809
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(447.740.300.000)	(447.740.300.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	6.223.716.363	24.963.155.637	-	-	-	31.186.872.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	91.401.624.193	91.401.624.193
Nộp bổ sung NSNN	-	-	-	-	-	(610.389.700)	(610.389.700)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(133.450.410.000)	(133.450.410.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2013	1.419.258.000.000	13.818.011.060	(104.508.192.093)	97.098.444.233	87.560.743.223	141.448.270.300	1.654.675.276.723

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	141.925.800	1.419.258.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(8.475.390)	(84.753.900.000)	(10.500.000)	(105.000.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	133.450.410	1.334.504.100.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	30/06/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(2.655.900)	(26.559.000.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	2.024.610	20.246.100.000	3.500.000	35.000.000.000
Số dư cuối kỳ	133.450.410	1.334.504.100.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Biến động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Số dư đầu năm	129.471.347.730	139.395.212.895
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	33.231.840.138
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	(24.963.155.637)	(43.155.705.303)
Số dư cuối kỳ	104.508.192.093	129.471.347.730

Trong kỳ, Công ty đã quyết định phát hành lại 2.024.610 cổ phiếu quỹ với giá bình quân 15.404 VND. Cổ phiếu quỹ được phát hành lại vào tháng 1, tháng 3 và tháng 4 năm 2013.

23. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm giúp các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****24. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	743.213.222.765	1.015.286.162.880
▪ Bán mật đường	60.450.028.378	37.275.963.430
▪ Bán điện	26.275.966.800	28.409.340.600
▪ Bán phân bón	82.615.075.974	84.915.359.707
▪ Khác	12.767.194.975	12.145.953.829
	925.321.488.892	1.178.032.780.446
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(772.091.938)	(1.313.540.095)
	924.549.396.954	1.176.719.240.351

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn đường	629.465.666.735	777.088.284.904
Giá vốn mật đường	60.402.229.723	36.264.636.713
Giá vốn điện	24.693.040.995	23.400.749.442
Giá vốn phân bón	78.695.507.120	78.264.834.659
Khác	6.915.166.768	11.541.142.212
	800.171.611.341	926.559.647.930

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	40.074.955.772	19.846.147.684
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	382.556.277	4.351.774.991
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	28.469.602.530	24.780.685.478
Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán	10.222.722.000	10.222.722.000
Lãi từ các khoản đầu tư vào các đơn vị đồng kiểm soát	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	325.806.884	245.702.081
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán (*)	-	110.554.905.691
Khác	-	-
	79.475.643.463	170.001.937.925

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí lãi vay	49.026.834.541	48.599.962.560
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.056.274.776	97.256.009.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	450.062.774	268.155.739
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Khác	442.732.651	397.685.273
	50.975.904.742	146.521.813.019

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	15.393.621.366	15.125.256.282
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	-
	15.393.621.366	15.125.256.282
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.776.834.957)	4.193.219.371
Chi phí thuế thu nhập	12.616.786.409	19.318.475.653

Theo Thông tư số 16/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 2 năm 2013, Công ty được gia hạn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho quý I, quý II và quý III năm 2013 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy phép đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% thuế thu nhập trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****29. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 91.401 triệu VND (31/12/2012: 370.133 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 132.270.009 cổ phiếu (31/12/2012: 128.083.124), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	91.401.624.193	210.363.107.632

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	131.425.800	130.581.700
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	(2.404.907)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	844.209	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	132.270.009	128.176.793

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các cổ đông như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)		
Bán hàng hóa	56.288.309.715	26.963.526.095
Mua đường thô	280.749.237.125	-
Thu tiền từ bán cổ phiếu BAC	-	24.000.000.000
Lãi phải thu	5.488.095.877	4.692.566.667
Lãi phải trả	305.641.875	1.799.875.000
Cho vay	40.000.000.000	98.000.000.000
Ứng tiền mua mật, đường	8.611.600.000	37.750.000.000
Công ty TNHH Thuận Thiên		
Bán cổ phiếu La Ngà	-	6.900.000.000
Cho vay	60.000.0000.000	-
Lãi phải thu	2.476.527.777	
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa		
Lãi cho vay	18.674.419.218	20.088.118.811
Thu nợ gốc	-	-
Cho vay	19.350.037.526	82.413.450.921
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Nhận cổ tức	10.222.722.000	10.222.722.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Dịch vụ thiết kế, thi công	1.110.000.000	
Bán hom giống	38.232.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Mua đường thô	14.000.000.000	-
Mua cổ phiếu Nước Trong	53.765.987.400	-

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công		
Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản, vật tư,...	4.199.548.678	
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.202.255.842	1.355.676.000

Người lập: 

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt: 

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2013

Đơn vị tính : VN đồng

	TÀI SẢN	Số đầu năm 01/01/2013	Số cuối kỳ 30/06/2013
I	Tài sản ngắn hạn	1,468,499,933,187	1,989,041,775,905
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110,669,897,291	35,662,666,763
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	249,669,110,661	221,808,641,760
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	729,502,883,593	872,225,332,081
4	Hàng tồn kho	339,388,288,019	800,501,196,878
5	Tài sản ngắn hạn khác	39,269,753,623	58,843,938,423
II	Tài sản dài hạn	1,165,893,692,678	1,215,095,960,480
1	Các khoản phải thu dài hạn	54,686,136,164	0
2	Tài sản cố định	650,697,805,044	632,249,304,684
	- Tài sản cố định hữu hình	540,043,448,468	556,574,687,965
	- Tài sản cố định vô hình	84,198,331,476	42,047,182,800
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26,456,025,100	33,627,433,919
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	452,371,627,957	564,860,631,058
5	Tài sản dài hạn khác	8,138,123,513	17,986,024,738
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,634,393,625,865	3,204,137,736,385
	NGUỒN VỐN		
IV	Nợ phải trả	938,635,369,571	1,549,462,459,662
1	Nợ ngắn hạn	889,469,256,095	1,532,511,409,662
2	Nợ dài hạn	49,166,113,476	16,951,050,000
V	Vốn chủ sở hữu	1,695,758,256,294	1,654,675,276,723
1	Vốn chủ sở hữu	1,695,758,256,294	1,654,675,276,723
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,419,258,000,000	1,419,258,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	7,594,294,697	13,818,011,060
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	(129,471,347,730)	(104,508,192,093)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	129,139,169,834	184,659,187,456
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	269,238,139,493	141,448,270,300
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,634,393,625,865	3,204,137,736,385



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

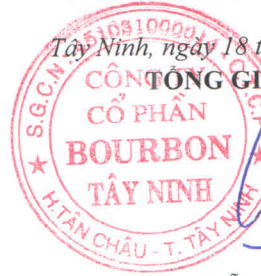
Quý 2 năm 2013

	Chỉ tiêu	Quý 2/2013	Lũy kế đến 30/06/2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	425,711,385,090	925,321,488,892
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(397,016,673)	(772,091,938)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	425,314,368,417	924,549,396,954
4	Giá vốn hàng bán	(370,253,546,175)	(800,171,611,342)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	55,060,822,242	124,377,785,612
6	Doanh thu hoạt động tài chính	42,902,931,989	79,475,643,463
7	Chi phí tài chính	(31,358,145,922)	(50,975,904,742)
8	Chi phí bán hàng	(9,101,126,109)	(18,315,110,614)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14,731,468,920)	(31,973,058,313)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42,773,013,280	102,589,355,406
11	Thu nhập khác	3,732,759,939	4,694,193,818
12	Chi phí khác	(3,261,688,360)	(3,265,138,622)
13	Lợi nhuận khác	471,071,579	1,429,055,196
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43,244,084,859	104,018,410,602
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4,991,356,210)	(15,393,621,366)
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1,138,942,816	2,776,834,957
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39,391,671,465	91,401,624,193
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	298	691

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN



Tây Ninh, ngày 18 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ CHỦ

100001
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BOURBON
TÂY NINH
H. T. TÂY

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

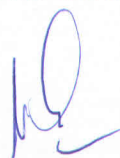
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2013

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2/2013	Lũy kế từ đầu năm (01/01->30/06/2013)	Quý 2/2012	Lũy kế năm trước (01/01->30/06/2012)
1. Tổng doanh thu	01	425,711,385,090	925,321,488,892	539,591,977,773	1,178,032,780,446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(397,016,673)	(772,091,938)	(271,705,615)	(1,313,540,095)
3. Doanh thu thuần	10	425,314,368,417	924,549,396,954	539,320,272,158	1,176,719,240,351
4. Giá vốn hàng bán	11	(370,253,546,175)	(800,171,611,342)	(429,334,243,187)	(926,559,647,930)
5. Lợi nhuận gộp	20	55,060,822,242	124,377,785,612	109,986,028,971	250,159,592,421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	42,902,931,989	79,475,643,463	149,476,963,595	170,001,937,925
7. Chi phí tài chính	22	(31,358,145,922)	(50,975,904,742)	(121,311,652,187)	(146,521,813,019)
- Trong đó: lãi vay	23	(29,897,783,114)	(49,026,834,541)	(23,670,278,840)	(48,599,962,560)
8. Chi phí bán hàng	24	(9,101,126,109)	(18,315,110,614)	(10,437,351,184)	(20,600,201,171)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(14,731,468,920)	(31,973,058,313)	(11,424,593,095)	(24,449,536,809)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	42,773,013,280	102,589,355,406	116,289,396,100	228,589,979,347
11. Thu nhập khác	31	3,732,759,939	4,694,193,818	856,483,956	1,095,064,129
12. Chi phí khác	32	(3,261,688,360)	(3,265,138,622)	-	(3,460,191)
13. Lợi nhuận khác	40	471,071,579	1,429,055,196	856,483,956	1,091,603,938
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	43,244,084,859	104,018,410,602	117,145,880,056	229,681,583,285
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(4,991,356,210)	(15,393,621,366)	(519,664,219)	(15,125,256,282)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1,138,942,816	2,776,834,957	(1,514,231,859)	(4,193,219,371)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	39,391,671,465	91,401,624,193	115,111,983,978	210,363,107,632

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Ngày 18 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ CHỦ

